

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**

Số: 01.2020/CV-MHA

---oOo---

V/v: giải trình kết quả hoạt động  
SXKD năm tài chính 2019 tăng  
so với cùng kỳ năm tài chính 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

---oOo---

TP.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2019 tăng so với cùng kỳ năm tài chính 2018 như sau:

**Bảng tổng hợp các chỉ tiêu:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018 ( từ 01/10/2017 đến 30/09/2018)	Năm 2019 ( từ 01/10/2018 đến 30/09/2019)	% tăng, giảm
<b>I/ Sản lượng SX-TT</b>				
1. Sản lượng sản xuất	Tấn	3,059	3,402	11%
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	3,782	3,303	-13%
<b>II/ Doanh thu - Lợi nhuận</b>				
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	1,023,916	1,127,083	10%
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24,303	24,830	2%
<b>III/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản</b>				
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	349,452	357,236	2%
2. Hàng tồn kho	Triệu đồng	187,326	208,385	11%
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	548,374	554,605	1%

\* Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2019 tăng 2% so với cùng kỳ năm tài chính 2018 là do :

- \_ Doanh thu tăng
- \_ Cơ cấu hàng bán khác nhau

Trên đây là phần giải trình biến động về KQKD giữa hai kỳ báo cáo của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

Trân trọng kính chào.

- Nơi nhận:
- \_ Như trên
  - \_ Lưu TV

  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**  
 C. PH. N. N. H. H.  
 Q. T. P. T. P. C. M.  
 Từ Thanh Phụng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

SỐ: 03.2020/CV-HMA

V/v: giải trình BCTC quý 4 năm tài chính 2019 so với BCKT năm tài chính 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

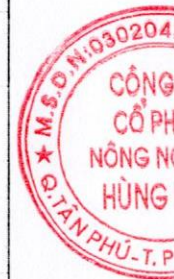
Tp.HCM, ngày 11 tháng 12 năm 2019

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty xin giải trình Báo cáo tài chính quý 4 năm tài chính 2019 so với Báo cáo kiểm toán năm tài chính 2019 như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế quý 4 năm 2019	Báo cáo kiểm toán năm 2019	Chênh lệch	Lý do
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22,675,918,329	22,425,918,329	(250,000,000)	Phân loại lại đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của trái phiếu sang dài hạn
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,363,320,447	1,280,884,582	(82,435,865)	Phân loại lại chi phí trả trước giảm CPTT ngắn hạn và tăng CPTT dài hạn
<b>Tài sản dài hạn</b>				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250,000,000	250,000,000	Phân loại lại đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của trái phiếu sang dài hạn
Chi phí trả trước dài hạn	29,505,193,219	29,587,629,084	82,435,865	Phân loại lại chi phí trả trước giảm CPTT ngắn hạn và tăng CPTT dài hạn
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>53,544,431,995</b>	<b>53,544,431,995</b>	-	
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>Nợ phải trả</b>				
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	6,433,649,550	6,366,661,272	(66,988,278)	Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế do tính lại thuế TNDN hiện hành
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	414,012,658,756	413,108,400,551	(904,258,205)	Phân loại lại Vay và nợ tài chính: giảm Vay ngắn hạn và tăng Vay dài hạn (2019-00057-001)



Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	88,901,406,894	89,805,665,099	904,258,205	Phân loại lại Vay và nợ tài chính: giảm Vay ngắn hạn và tăng Vay dài hạn (2019-00057-001)
<b>Vốn chủ sở hữu</b>			-	
LNST chưa phân phối kỳ này	24,763,710,982	24,830,699,260	66,988,278	Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế do tính lại thuế TNDN hiện hành
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>534,111,426,182</b>	<b>534,111,426,182</b>	-	

### KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế quý 4 năm 2019	Báo cáo kiểm toán năm 2019	Chênh lệch	Lý do
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6,190,927,745	6,123,939,467	(66,988,278)	Điều chỉnh lại thuế TNDN hiện hành do tính nhầm
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24,763,710,982	24,830,699,260	66,988,278	Điều chỉnh lại thuế TNDN hiện hành do tính nhầm

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TU THANH PHỤNG

